

ĐÁP ÁN

(MINH HỌA 2017)

1. D. ARE => IS

The number of + N-số nhiều + V-chia theo chủ ngữ số ít.

2. C. THAT => WHICH

Dạng GIỚI TỪ + ĐẠI TỪ QUAN HỆ chỉ dùng với WHICH hoặc WHOM, không dùng THAT.

3. C. MAKING => MAKE

Liên kết = từ AND thì các động từ phải ĐỒNG DẠNG (ở đây là nguyên thể)

4. B. ARE => IS

Một số bệnh tật có S ở cuối nhưng chỉ tính là Danh từ số ÍT, như: MEASLES (bệnh sởi), MUMPS (bệnh quai bị)....

C. THAT => WHICH

THAT không dùng sau dấu phẩy.

6. D. having full commitment. => BỎ HAVING

Lỗi đồng dạng khi liên kết = từ AND.

(TN 2016)

7. D. IMPATIENTLY => IMPATIENT

Become + Adj

8. D. REACHING => TO REACH

It take/ took sb TO DO.

9. C. SPEEDING UP => SPEEDS UP

Dùng AND để nối từ thì các từ phải đồng dạng với nhau.

10. C. BEEN LOOKING => BEEN LOOKED

Cần dạng BỊ ĐỘNG

11. B. WHICH => WHOSE

(cần sở hữu cho từ Progress và Whose dùng cả cho Vật)

F.B: Hoàng Việt Hưng - Page: English Trick Master

(TN 2015)

12. B. HAVE => HAS

THE NUMBER OF + N + V-chia theo S số ít.

13. B. SERIOUSLY => SERIOUS

(sau BECOME + ADJ hoặc N và không bao giờ đi với ADV)

14. D. FROM A SINGLE-FAMILY HOME => FROM THAT FOR A SINGLE-FAMILY HOME.

=> Ta phải so sánh SOLAR HEATING cho tòa nhà lớn với SOLAR HEATING cho nhà lẻ cho đúng tương quan. THAT được dùng để thay thế cho SOLAR HEATING ở về sau.

15. C. REGARDING => REGARDLESS

=> REGARDLESS OF STH: bất kể, bất chấp

(có REGARDING STH (liên quan đến) nhưng không có OF)

16. A. REMINDING => HAVING BEEN REMINDED (hoặc REMINDED)

=> ví luôn là REMIND SB TO DO STH (nhắc nhở ai làm gì) nên nếu không có Tân ngữ SB thì sẽ phải là câu BỊ ĐỘNG dạng TÁCH V CHUNG CHỦ NGỮ.

(2014 - D)

17. D. THEY WORK HARD => HARD-WORKNESS/ INDUSTRIOUSNESS

=> Lỗi ĐỒNG DẠNG khi được liên kết = liên từ AND.

18. C. IN LINES => IN LINE (không có S)

=> cụm QUEUE IN LINE: xếp thành hàng, xếp hàng.

19. A. AS SEEING => AS SEEN

=> THE AREA là chủ ngữ về sau nên câu này phải là BỊ ĐỘNG => dùng V-P2

20. B. WHICH => FROM WHICH

=> VARY là NỘI động từ mà WHICH khi làm tân ngữ (WHICH + S + V) lại cần 1 V là NGOẠI động từ hoặc phải có GIỚI TỪ cuối câu. => dạng đúng là THÊM GIỚI TỪ TRƯỚC WHICH.

21. D. IN NEW YORK. => cần IN + 1 BỘ PHẬN CƠ THỂ.

=> Lỗi TƯƠNG QUAN => 1 vết thương ở mắt cả chân thì 1 vết khác cũng phải ở 1 bộ phận khác trên cơ thể.

F.B: Hoàng Việt Hưng - Page: English Trick Master**(2014 – A1)****22. C. AND SO THAT => SO THAT**

=> SO THAT (để mà) đã là 1 Liên từ nên cho AND bị THỪA.

23. A. AS => LIKE/ UNLIKE

=> khi so sánh 2 vật phải dùng LIKE (giống) hoặc UNLIKE (không giống) không dùng AS.

24. D. HAVE BEEN PROVED => HAS BEEN PROVED

=> đây là V của chủ ngữ THE ASSUMPTION (số ít)

25. A. CHOSEN FOR FLY => CHOSEN TO FLY

=> CHOOSE SB TO DO STH: lựa chọn ai làm gì.

26. C. VERY RELATIVELY => BỎ 1 TRONG 2

=> cả VERY (rất) và RELATIVELY (tương đối) đều là các TRẠNG TỪ MIÊU TẢ MỨC ĐỘ nên chỉ được dùng 1 trong 2.

(2103 - D)**27. D. SINKING => SINKS**

=> Lỗi ĐỒNG DẠNG sau AND, OR, BUT

28. A. GLOBALLY AND INTERNATIONALLY => BỎ 1 trong 2

=> 2 từ này đều mang nghĩa: tính theo toàn cầu, theo toàn thế giới

29. A. LIBRARY => LIBRARIES

=> có ALL và LIBRARY là Danh từ đếm được nên LIBRARY phải để dạng SỐ NHIỀU.

30. A. DIFFERENT FOURTEEN => FOURTEEN DIFFERENT

=> SỐ TỪ bao giờ cũng đứng trước các Tính từ khác

31. C. ACCOMPANY => ACCOMPANIED

=> sau BE và trước BY phải là BỊ ĐỘNG => VP2.

F.B: Hoàng Việt Hưng - Page: English Trick Master**(2013 – A1)****32. C. WHICH => WHERE/ IN WHICH**

=> dùng WHICH thì phải có GIỚI TỪ (IN WHICH). WHERE là Trạng từ - CÁI NƠI MÀ.

33. C. THAN => AS

=> SO SÁNH NGANG BẰNG – AS AS

34. D. APPEARING => APPEARED

=> đây vẫn là cụm S + V + O nên V phải CHIA THEO THÌ (Quá khứ đơn)

35. D. DISPUTES LABOR. => LABOUR DISPUTES

=> bình thường hiếm khi có N-SỐ NHIỀU + N

=> phải là LABOUR DISPUTES - những bất đồng lao động - chứ không thể là DISPUTES LABOR – lao động (của) những bất đồng .

36. A. LOOKING => LOOKED AT/ SEEN

=> chủ ngữ là VILLAGE thì Động từ phải ở dạng BỊ ĐỘNG => VP2 (có thể phải thêm AT hay chuyển thành SEEN)

Dịch: (ĐƯỢC) NHÌN từ xa, ngôi làng giống 1 điểm xanh được điểm những quả cầu lửa nhỏ.

(2012 – D)**37. C. THAT => WHICH**

=> không dùng THAT) sau dấu phẩy.

38. B. ALMOST OF => MOST OF: hầu hết

=> không có cấu trúc ALMOST OF + N vì ALMOST là Trạng Từ.

39. D. EQUALLY THE SAME => bỏ 1 trong 2

=> 2 từ này ĐỒNG NGHĨA = tương đương, đều nhau – nên đi cùng nhau là THỪA !

40. D. TO GIVE => GIVING

=> được liên kết = AND nên GIVE phải đồng dạng với với từ INCLUDING ở trước.

41. B. FOLDING => FOLDED: được gấp lại

=> câu này hơi khó. Cái thiệp có dạng GẤP ĐÔI nên phải dùng Bị động.

F.B: Hoàng Việt Hưng - Page: English Trick Master

(2012 – A1)

42. B. HE REALISED => DID HE REALIZED

=> ĐẢO NGỮ với NOT UNTIL:

NOT UNTIL + S + V + O _ + TRỢ ĐỘNG TỪ + S + V.

43. C. THAT => WHICH

=> không dùng Đại từ quan hệ THAT với dạng GIỚI TỪ + ĐẠI TỪ QUAN HỆ. Chỉ dùng WHICH hoặc WHOM.

44. D. EARLY DEATH => DIE EARLY/ THEY WILL DIE EARLY

=> nối nhau = AND nên phải tương đương về DẠNG.

45. A. HAS HARDLY => HAS

=> NEVER mang nghĩa PHỦ định và HARDLY cũng PHỦ định nên không thể đi cùng nhau.

46. B. FILL IN => FILLED IN

=> cấu trúc Bị động truyền khiến: HAVE STH DONE => dùng V-P2.

(2011 - D)

47. A. ECONOMY => ECONOMICS: môn kinh tế học

=> cần 1 Danh từ chỉ MÔN HỌC để nó đồng dạng với HISTORY.

48. B. IT WAS SEEN => WE SAW

=> đây là lỗi TƯỞNG QUAN - ở đầu câu đề cập đến Trong suốt chuyến đi thăm nhà máy lọc dầu nên phải là CHÚNG TÔI THẤY. Dùng dạng IT làm chủ ngữ khi đó là Ý KIẾN CHUNG CỦA HẦU HẾT MỌI NGƯỜI (không xác định là ai) – quan niệm chung.

49. A. PUBLISHING IN THE UK => PUBLISHED IN THE UK

=> nó phải là BỊ ĐỘNG

50. A. DID HE ENTER => HAD HE ENTERED

=> dùng Quá Khứ Hoàn Thành ở về trước cho Đảo Ngữ với HARDLY.....
WHEN.....

51. D. YOU HAVE GOOD HEALTH => GOOD HEALTH

=> Lỗi ĐỒNG DẠNG khi liên kết = liên từ AND.

F.B: Hoàng Việt Hưng - Page: English Trick Master

(2010 – D)

52. D. SO ANNOYED => SO ANNOYING: gây khó chịu

=> dùng V-ing nếu đó là TÍNH CHẤT của người, vật.

53. A. IN ORDER => IN ORDER THAT

=> dùng IN ORDER THAT + S + V + O

54. D. THAT THEY WORK HARD. => HARD-WORKNESS/ INDUSTRIOUSNESS

=> Lỗi ĐỒNG DẠNG khi các từ được liên kết = liên từ AND.

55. A. I THINK => BỎ

IN MY JUDGMENT = I THINK => THỪA TỪ !

56. C. IT WAS => I WAS/ WE WERE.....

=> chủ ngữ này phải là chủ ngữ của ANALYZING => cần 1 chủ ngữ CHỈ NGƯỜI.

(2009 – D)

57. A. FOUND => FOUNDED

<=> FOUND ở đây là V-NGUYÊN THỂ = “thành lập”

58. D. WITH OTHER STUDENTS => WITH THE OTHER STUDENTS

Phải thêm THE vì STUDENTS ở đây đã XÁC ĐỊNH là STUDENTS trong lớp của nó.
(ABOUT AVERAGE không sai, nó = cũng khoảng mức trung bình)

59. A. EVEN THOUGH => DESPITE/ IN SPITE OF

Phía sau là 1 Cụm Danh Từ.

60. B. COVERING => COVERAGE

COVERGAE: tin tức, sự đưa tin. (COVERING: sự bao phủ, vật bao phủ)

61. D. GET RID IT => GET RID OF IT.

=> GET RID OF STH: loại bỏ cái gì.

F.B: Hoàng Việt Hưng - Page: English Trick Master

(2008 – D)

62. D. GOING SHOPPING => GO SHOPPING

=> dùng từ AND để NÓI nên cần ĐỒNG DẠNG với các từ trước nó.

63. D. THE CHILDREN THE RULES OF THE GAME. => THE RULES OF THE GAME TO THE CHILDREN.

=> chỉ dùng cấu trúc EXPLAIN STH TO SB: giải thích cái gì cho ai.

64. C. IN => BỎ

=> dùng JOIN + NHÓM, HỘI, CÂU LẠC BỘ..... (không có giới từ)

(có JOIN IN nhưng dùng khi mình tham gia GIÚP ai đang làm 1 việc dở dang. vd: would you join in my plan)

65. A. WRITINGS => WRITERS

=> phải là Danh từ chỉ NGƯỜI mới chính xác.

66. B. HIS NAME => WHOSE NAME

=> cần 1 câu để GIỚI THIỆU cho vế trước nên chỉ có thể dùng Đại từ quan hệ NỐI CÂU.

(2007 – D)

67. A. HOWEVER => ALTHOUGH

=> có thể dùng ALTHOUGH/ THOUGH + ADJ (dù như thế nào) (chỉ dùng HOWEVER + ADJ/ADV + S + BE/V)

68. B. DIRECTIONS => DIRECTORS: đạo diễn – cần 1 danh từ chỉ người

69. A. IN MY OPINION, I THINK => bỏ 1 trong 2

=> THỪA TỪ vì cả 2 từ có nghĩa giống nhau.

70. D. SHE IS HONEST => HONESTY

=> khi liệt kê các từ và kết thúc = từ AND thì chúng phải ĐỒNG DẠNG.

71. HIS QUALIFICATIONS ARE => HE HAS QUALIFICATIONS (WHICH)

=> chủ ngữ ở đây phải là chủ ngữ của việc (BE) EDUCATED => nó phải là ANH TA chứ không phải là TRÌNH ĐỘ CỦA ANH TA.

F.B: Hoàng Việt Hưng - Page: English Trick Master**(2006 – D)**

72. C. ON => UP – TAKE UP: bắt đầu có thói quen làm việc gì – nhất là chơi thể thao.
(TAKE ON là thuê, mượn)

73. C. HARDLY => HARD – vừa là ADJ, vừa là ADV. (HARDLY là "hầu như không")

74. D. ISOLATING => ISOLATED: xa xôi, cách trở (đây là ADJ cố định)

75. B. WHEN => WHILE: trong khi mà – dùng WHILE để nói về 2 việc có tính chất TRÁI NGƯỢC NHAU.

76. A. SUCH => SO <=> dùng SO + MANY/MUCH/FEW/LITTLE + N (không dùng SUCH) (nhưng SUCH A LOT OF/ LOTS OF + N)